| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 101/2018/DS-ST
Ngày 14 – 8 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Huyền Trân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Ông Nguyễn Thanh Trường
- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Linh – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2018/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần K
Địa chỉ: Số 40-42-44, PHT, phường V, thành phố G, tỉnh K.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Bé L, sinh năm 1975; chức vụ: Phó phòng KHCN – Ngân hàng TMCP K. Theo văn bản ủy quyền số 566/2018/UQ-CNCM ngày 21/7/2018 (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H – sinh năm: 1971 ( Có mặt)
Bà Phạm Kiều C, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Số 268/1, LVL, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh M.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày: Ngày 29/6/2017, ông Nguyễn Trung H, bà Phạm Kiều C và Ngân hàng thương mại cổ phần K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 1201/HĐTD-CC để vay số tiền 30.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 30/6/2017 thời hạn vay 180 ngày, ngày đến hạn 28/12/2017 lãi suất trong hạn 1.245%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán lãi và vốn vay được trả hàng ngày.

Tài sản thế chấp là 01 xe mô tô EXCITER, giấy chứng nhận đăng ký số 007562 do Công an M cấp ngày 02/01/2016 biển số 69E1-058.01 số khung 060FY124152, số máy G3D4E136763. Trong quá trình vay ông H, bà C đã thanh toán cho Ngân hàng 52 ngày với số tiền là 9.304.000 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2018 nợ gốc còn lại số tiền 22.904.192đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 3.265.000 đ. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/8/2018 là 26.169.000 đ. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H thanh toán cho Ngân hàng vốn và lãi tổng cộng bằng 26.169.000 đ không yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông H tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi dứt nợ. Nếu ông H không thanh toán xong, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2018 và tại phiên tòa ông Nguyễn Trung H trình bày: Ông thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 30.000.000 đồng và có ký hợp đồng thế chấp 01 xe mô tô EXCITER, giấy chứng nhận đăng ký số 007562 do Công an M cấp ngày 02/01/2016 biển số 69E1-058.01. Tính đến ngày 14/8/2018 ông còn nợ lại Ngân hàng nợ gốc số tiền 22.904.192đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 3.265.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/8/2018 là 26.169.000đ đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Số tiền này sẽ do ông tự đứng ra trả cho Ngân hàng, không yêu cầu bà C cùng có trách nhiệm trả với ông.

Bà Nguyễn Kiều C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án để thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, và các lần triệu tập hòa giải, xét xử nhưng bà C không có ý kiến đối với yêu cầu của ngân hàng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Trung H, bà phạm Kiều C có ký hợp đồng để vay số tiền 30.000.000đ, mục đích vay cá nhân. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Phạm Kiều C, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bà C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải đến lần thứ hai nhưng bà C vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệp tập hợp lệ bà C đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà C vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Trung H và bà Phạm Kiều C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 14/8/2018 tiền nợ gốc còn lại 22.904.192đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2018 là 3.265.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/8/2018 là 26.169.000đ.

Căn cứ vào thỏa thuận, tại hợp đồng 1201/HĐTD-CC ngày 29/6/2017, số vốn vay ban đầu là 30.000.000đ, tài sản bảo đảm là 01 xe mô tô EXCITER, giấy chứng nhận đăng ký số 007562 do Công an M cấp ngày 02/01/2016 biển số 69E1-058.01, hợp đồng vay bằng văn bản được ký kết giữa bên vay là ông H, bà Cam với bên cho vay là đại diện hợp pháp của Ngân hàng. Hợp đồng được ký kết đúng thẩm quyền, nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật. Ông H, bà C sau khi nhận tiền vay đã thanh toán cho Ngân hàng 52 ngày với số tiền là 9.304.000 đồng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc ông H, bà C phải tiếp tục thanh toán khoản tiền vốn và lãi cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ông H, bà C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Huy thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng không yêu cầu bà C có trách nhiệm trả. Ông H cũng đồng ý đứng ra thanh toán nợ cho Ngân hàng không đặt ra trách nhiệm đối với bà C. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với tài sản thế chấp: Theo hợp đồng tín dụng ông H, bà C có thế chấp 01 chiếc xe EXCITER, giấy chứng nhận đăng ký số 007562 do Công an M cấp ngày 02/01/2016 biển số 69E1-058.01 để làm tài sản đảm bảo, việc thế chấp được lập thành văn bản theo đúng quy định nên việc thế chấp này là phù hợp với quy định tại Điều 317, 318, 319 BLDS nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng được xem xét chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông H phải chịu theo quy định. Ngân hàng không phải nộp án phí là đúng quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, điểm b, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 147, 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K: Buộc ông Nguyễn Trung H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền còn nợ tính đến ngày 14/8/2018 tổng cộng là 26.169.000 đ.

*Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần K, có đơn yêu cầu ông H thi hành án, nếu ông Huy không thi hành, thì ông H còn phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho đến khi Ngân hàng thu hồi xong khoản nợ.*

Đối với tài sản thế chấp là 01 xe EXCITER, giấy chứng nhận đăng ký số 007562 do Công an M cấp ngày 02/01/2016 biển số 69E1-058.01 được xử lý theo quy định chung để Ngân hàng thương mại cổ phần K thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Trung H phải chịu 1.308.000đ *(Một triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng)* chưa nộp. Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải nộp án phí, ngày 09/4/2018 đã nộp tiền tạm ứng án phí 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)*, tại biên lai số 0000628, được nhận lại.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, ông Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Kiều C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
**( Đã ký)**

**Trần Huyền Trân**

**Nơi nhận**
*-TAND tỉnh M*
*- VKSND thành phố M*
*- Các đương sự*
*- Lưu hồ sơ*
*- Lưu án văn*
*- Lưu TM (TANDTPCM)*